

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIÊN HẢI  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày: 31-5-2022.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử Sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Nguyễn Xuân Nghi*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Quốc Việt

2. Bà Hoàng Thị Hương

**Thư ký phiên Tòa:** Ông Nguyễn Viết Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Không.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST - DS, ngày 11 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trần Thị V, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 1013/30, đường 30/4 phường 11, thành phố VT, tỉnh BR - VT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 233/1 LQK, phường VB, thành phố RG, Kiên Giang (Có mặt).

(Văn bản ủy quyền số 22 ngày 14 tháng 01 năm 2022).

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp BNA, xã LS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 24 tháng 6 năm 2021 nguyên đơn bà Trần Thị V trình bày: Do quen biết nhau từ trước nên bà V có cho bà Nguyễn Thị Q vay 50.000.000 đồng để có vốn làm ăn kinh doanh, lãi suất thỏa thuận là 04%/tháng, bà Q

cam kết sau một tháng sẽ trả toàn bộ gốc, lãi cho bà V nhưng đến hạn không thanh toán, sau đó bà Q có trả được một lần tiền lãi là 10.000.000 đồng đến nay không thanh toán gốc lãi nữa. Nay bà V yêu cầu cá nhân bà Q trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà V là ông Trần Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn bà V chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Q trả 50.000.000 đồng gốc và tính lãi theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng số tiền là 25.730.000 đồng từ ngày 01/12/2018 DL đến ngày 30/6/2021 là 25.730.000 đồng khấu trừ số tiền trả lãi bà Q đã trả 10.000.000 đồng còn 15.730.000 đồng, không yêu cầu tính lãi từ ngày 31/6/2021 DL đến ngày xét xử ngày 31/5/2022 đối với khoản vay 50.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Q đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn bà Trần Thị V khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Q thanh toán số tiền nợ vay 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Q đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử khi đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị V yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Q trả 50.000.000 đồng gốc là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ chứng cứ nguyên đơn bà V cung cấp là biên nhận nợ ngày 01/12/2018 DL số tiền 50.000.000 đồng, có chữ ký ghi họ tên của bà Q, trong quá trình giải quyết vụ án bà Q không hợp tác với Tòa án và cũng không đưa ra được chứng cứ để phản bác hay đối trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V nên căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nếu bà Q có chứng cứ để đối trừ nghĩa vụ đối với nguyên đơn bà V thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị V yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Q trả 15.730.000 đồng lãi sau khi đã khấu trừ 10.000.000 đồng tiền lãi mà bà Q đã đóng, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Do bà Q vay 50.000.000 đồng gốc nhưng

chưa thanh toán lãi đúng hạn nên căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà Q phải thanh toán cho nguyên đơn bà V tiền lãi cụ thể như sau:

Số tiền vay gốc 50.000.000 đồng tính lãi từ ngày 01/12/2018 DL đến ngày 30/6/2021 DL là: 50.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 31 tháng = 25.730.000 đồng trừ 10.000.000 đồng tiền lãi bà Q đã đóng, còn lại 15.730.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của đại diện nguyên đơn là ông Trần Văn C không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 50.000.000 đồng từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử ngày 31/5/2022 là 8.300.000 đồng tiền lãi.

[3] Từ các cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị V. Buộc cá nhân bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà V tổng số tiền là 65.730.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*) tiền vay, trong đó 50.000.000 đồng gốc, 15.730.000 đồng lãi.

[4] Về án phí dân sự Sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc cá nhân bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà Trần Thị V được miễn nộp tiền tạm ứng án phí do là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn nộp tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị V;

Buộc cá nhân bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Trần Thị V số tiền vay là 65.730.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*) tiền vay, trong đó 50.000.000 đồng gốc, 15.730.000 đồng lãi.

Ghi nhận sự tự nguyện của đại diện nguyên đơn là ông Trần Văn C không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 50.000.000 đồng từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử ngày 31/5/2022 là 8.300.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền chưa thi hành án hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Buộc cá nhân bà Nguyễn Thị Q chịu án phí có giá ngạch là 3.286.500 đồng (*Ba triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng*).

**3. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn bà V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Kiên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Nghi**